| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 7-THANH HOÁ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 44/2026/QĐST-HNGĐ | *Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 65/2026/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2026, giữa:

**- Nguyên đơn:** Anh Trương Thanh D, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 0380.9200.6042

**- Bị đơn:** Chị Bùi Thị L, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 0381.9201.1146

Căn cứ Điều 212 và Điều 213; khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 55; 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6; khoản 3 Điều 12; khoản 3 Điều 13; điểm a khoản 5 Điều 27; khoản 6 Điều 19 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2026.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa: Anh Trương Thanh D và chị Bùi Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Thanh D và chị Bùi Thị L.

- *Về con chung:* Anh Trương Thanh D và chị Bùi Thị L thống nhất, thỏa thuận và theo nguyện vọng của cháu Tuấn A: Vợ chồng có 01 con chung là Trương Thanh Tuấn A (giới tính: Nam), sinh ngày 14/6/2012. Ly hôn, anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Thanh Tuấn A đến khi cháu Trương

Thanh Tuấn A thành niên (đủ 18 tuổi). Chị L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D.

Anh Trương Thanh D có quyền làm đơn yêu cầu chị Bùi Thị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Chị Bùi Thị L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản chị thực hiện quyền này và chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, công nợ chung:* Anh Trương Thanh D và chị Bùi Thị L thống nhất, thỏa thuận: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Anh Trương Thanh D và chị Bùi Thị L thống nhất, thỏa thuận: Anh Trương Thanh D chịu toàn bộ tiền án phí HNGĐ sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh D đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai số 0002079, ngày 19 tháng 3 năm 2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Thanh Hoá. Trả lại cho anh D 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí ly hôn.

Chị Bùi Thị L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND KV7, tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Thạch Bình.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Đặng Xuân Sơn**